

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 30-10-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà

2. Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Q, sinh năm: 1978; Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà T có mặt, ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Q sống chung với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải vào ngày 28/6/2006. Do không có thời gian tìm hiểu nhau nên trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc do không hợp, bất đồng ý kiến và ông bà đã ly thân từ cuối tháng 5 năm 2020. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q chung sống có 02 con chung tên Ngô Thanh Th, sinh ngày 12/8/2008 và Ngô Minh T1, sinh ngày 24/5/2010. Hiện hai con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng ở cùng mẹ nên bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T làm tạp vụ và làm nghề giữ xe thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng, nên đề đảm bảo cuộc sống của con chung, bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ/tháng/con chung. Trước đây, theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/con chung nhưng xét điều kiện ông Q, bà thay đổi yêu cầu như trên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Ngô Văn Q trình bày:

Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân cũng như thời gian chung sống vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông và bà T sống chung, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải vào ngày 28/6/2006. Quá trình sống chung thì hai vợ chồng hạnh phúc, không cãi vã nhau, cuộc sống chung không có mâu thuẫn nên bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn. Bà T đã bỏ nhà đi hơn một năm nay, khi đi dẫn theo hai con, ông đã liên lạc với bà T mà không được, gọi điện không nghe máy, ngăn cấm không cho ông gặp con.

Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Thanh Th, sinh ngày 12/8/2008 và Ngô Minh T1, sinh ngày 24/5/2010. Theo quan điểm của ông, con chung có nguyện vọng ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, nếu trong trường hợp hai con chung ở với bà T thì ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì ông làm nghề đi biển thu nhập trung bình hàng năm của ông chỉ khoảng 42.000.000 đồng, tương đương mỗi tháng 3.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị T xin ly hôn với ông Ngô Văn Q là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông Q; Về con chung: Bà T được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T xin ly hôn với ông Ngô Văn Q, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 423, ngày 28/6/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà T đã về nhà mẹ ruột sống, hai bên không có ý định hàn gắn, không ai quan tâm đến ai nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng bà T kiên quyết xin ly hôn, ông Q không đồng ý vì cho rằng còn tình cảm với vợ con nhưng ông không nói chuyện với bà T để tìm cách trở về chung sống với nhau. Việc ông Q vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Ngô Thanh Th, sinh ngày 12/8/2008 và Ngô Minh T1, sinh ngày 24/5/2010, hiện đang sống cùng bà T, các cháu đều có nguyện vọng sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả 2 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Q không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, ông Q làm nghề biển, thu nhập ổn định khoảng 3.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu ông Q dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Dựa vào thu nhập, khả năng của ông Q, nhu cầu thiết yếu của con chung và theo quy định tại Điều 71

Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ có nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử buộc ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con chung; việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Thanh Th, sinh ngày 12/8/2008 và Ngô Minh T1, sinh ngày 24/5/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Buộc ông Ngô Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con chung; việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Sau khi ly hôn, ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2020/0000772 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp xong án phí.

+ Ông Ngô Văn Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Phước Hải;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG